

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 5 – 2022.

V/v: “*Xin ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Mới; Ông Lê Hoàng Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 127/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Hiếu V**, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp TT1, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà **Lê Bảo T**, sinh năm 1988 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TT2, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Hiếu V trình bày:

Ông và Lê Bảo T quen biết, tìm hiểu, được sự thống nhất của hai bên gia đình, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không còn tình cảm nên sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên ông yêu cầu ly hôn với Lê Bảo T. Ông bà không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Lê Bảo T trình bày:

Bà xây dựng hôn nhân với ông Trần Hiếu V do tự nguyện và được gia đình hai bên đồng ý, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã ly thân từ năm 2019. Bà đồng ý ly hôn. Ông bà không có con chung. Ông bà không có tài sản chung, nợ chung. Do hiện tại bà đi làm xa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Hiếu V có đơn yêu cầu xin ly hôn với bà Lê Bảo T nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*xin ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lê Bảo T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Bảo T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hiếu V và bà Lê Bảo T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Ông Trần Hiếu V và bà Lê Bảo T thống nhất thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, dần dần tình cảm vợ chồng không còn, ông bà đã sống ly thân từ năm 2019. Ông V yêu cầu ly hôn, bà T cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy hôn nhân giữa Trần Hiếu V và bà Lê Bảo T đã mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Hiếu V.

[3] Về con chung: Ông bà thống nhất khai không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Hiếu V và bà Lê Bảo T đều thừa nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Hiếu V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hiếu V.
2. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hiếu V ly hôn với bà Lê Bảo T.
3. Về con chung: Ông bà không có con chung.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của ông Trần Hiếu V và bà Lê Bảo T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Trần Hiếu V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Trần Hiếu V đã nộp theo biên lai thu số 0005428 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ thành án phí nên ông V không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND.TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Phan Nguyễn Minh Trí